

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP.HCM.

- * Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam
- * Mã chứng khoán: PCT
- * Trụ sở chính: Khu dịch vụ số 04, Tầng 6, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
- * Điện thoại: (84.28) 62582330 Fax: (84.28) 62582334
- * Người thực hiện công bố thông tin: Ông Võ Ngọc Phụng (Giám đốc Công ty)
- * Loại thông tin công bố:
 ☒ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ
- * Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/04/2019 tại đường dẫn www.pct.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: ATPC, DH.

GIÁM ĐỐC



Võ Ngọc Phụng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam
Năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam/Viet Nam Gas and Chemicals Transportation Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305020272
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2018): 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2018): 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.62582330/028.62582331
- Số Fax: 028.62582334
- Website: www.pct.com.vn
- Mã cổ phiếu: PCT
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT), trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long được thành lập vào ngày 04/06/2007 với các cổ đông sáng lập là Tổng Công ty khí (PV Gas), Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) và Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South). Ngày 12/9/2011, Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PCT. Sự kiện này đã đánh dấu một điểm mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty. Ngày 24/09/2018, Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại PCT và không còn là cổ đông lớn của PCT. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu khi thành lập là vận tải hành khách bằng taxi sử dụng nhiên liệu sạch LPG, CNG, cho thuê xe văn phòng, kinh doanh mua bán LPG, CNG,... Trải qua hơn 10 năm hoạt động, Công ty đã không ngừng tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới như: kinh doanh vận tải nhiên liệu bằng xe bồn, cung cấp dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình, kinh doanh mua bán xe ô tô, kinh doanh vận tải thủy nội địa, ... Mới đây, tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018, Công ty chính thức chấm dứt hoạt động kinh doanh vận tải xe, chuyển hướng sang lĩnh vực vận tải biển bao gồm quản lý và khai thác tàu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Cho thuê xe có động cơ; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

➤ Hệ thống quản trị và điều hành Công ty

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, được tổ chức mỗi năm 01 lần. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quyết định phương án đầu tư, thanh lý tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty; bầu, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS và các quyết định khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

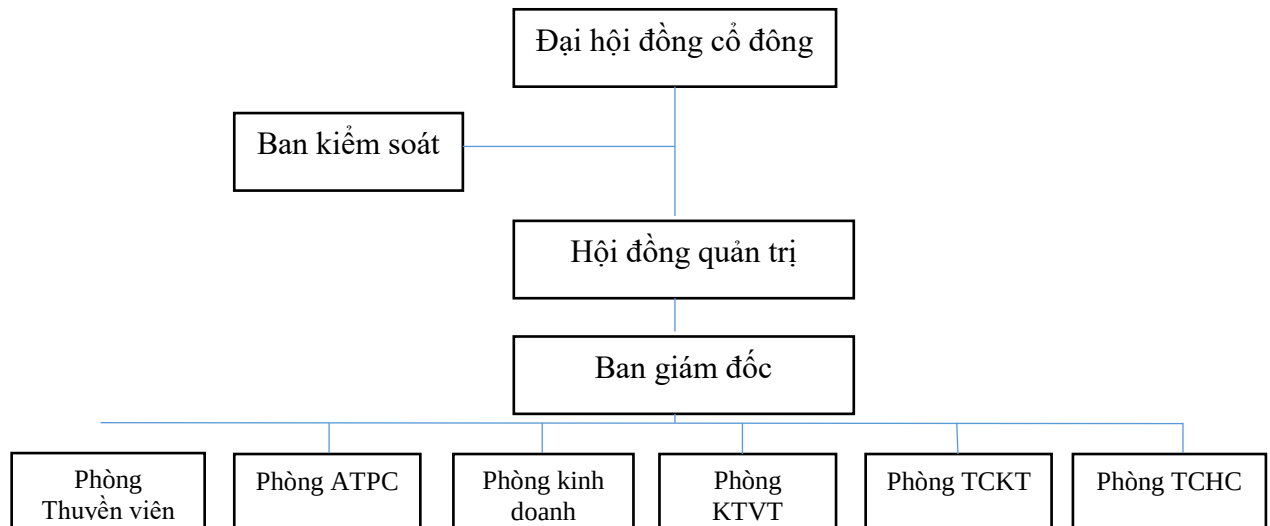
- **Hội đồng quản trị:** HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra, gồm 5 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban kiểm soát:** là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của Cổ đông. Ban Kiểm soát hiện có 3 thành viên.

- **Ban điều hành của Công ty:** gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT, về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

- **Các phòng chức năng chuyên môn, chi nhánh:** gồm Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng An toàn pháp chế, Phòng Kỹ thuật Vật tư, Phòng Truyền viên, Phòng Kinh doanh, 02 chi nhánh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động (Chi nhánh Côn Sơn, Chi nhánh Đại Hùng).

➤ Sơ đồ tổ chức



4. Định hướng phát triển năm 2018

➤ Mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2018

- Doanh thu: 251.549 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 4.188 triệu đồng
- Nộp ngân sách nhà nước: 1.819 triệu đồng.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung phát triển, tăng cường tìm kiếm và mở rộng các đối tượng khách hàng đối với dịch vụ quản lý tàu.
- Tăng cường làm việc, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng cho các tàu mà công ty đang khai thác, đảm bảo tối đa thời gian khai thác với mức giá thuê cạnh tranh.
- Tìm kiếm cơ hội khai thác tàu mới.

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Công ty cũng đặt ra các mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững, vì xã hội, cộng đồng như sau:

- Quan tâm thiết thực tới đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, tổ chức các hoạt động phong trào nhân các dịp kỷ niệm 8/3, 20/10, tết trung thu, staff party,... tạo tinh thần gắn bó, đoàn kết trong Công ty, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.

- Tham gia tích cực các hoạt động xã hội: hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, công tác từ thiện, nhân đạo,...

5. Các rủi ro

➤ **Rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá nhiên liệu và giá cước vận tải. Đối với hoạt động vận tải biển, Công ty hạn chế rủi ro bằng cách cho thuê tàu định hạn, giá cước cho thuê sẽ được thỏa thuận trước trong hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện ký hợp đồng vận tải theo từng chuyến và sẽ đàm phán để điều chỉnh giá cước vận tải khi có sự biến động về giá nhiên liệu. Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro thị trường ở mức độ vừa phải.

➤ **Rủi ro tín dụng:** Xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Trong năm 2018, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có phát sinh rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

➤ **Rủi ro thanh khoản:** Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản ngắn hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	251.549	260.506	104%
2	Lợi nhuận trước thuế	4.188	6.461	154%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.488	4.993	143%
4	Nộp NSNN	1.819	1.729	95%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đã vượt kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu đạt 260.506 triệu đồng, bằng 104% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 4.993 triệu đồng, bằng 432% so với năm 2017 và đạt 143% so với kế hoạch đã đề ra.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, ngành nghề kinh doanh chính của PCT vẫn là kinh doanh cho thuê xe văn phòng nhưng gặp nhiều khó khăn vì gặp phải sự cạnh tranh ngày càng lớn từ nhiều hình thức kinh doanh mới như Grap..., chính sách giảm thuế xe nhập khẩu vào năm 2018 khiến cho lượng xe cá nhân và doanh nghiệp mua tăng, ảnh hưởng tới nhu cầu thuê xe trên thị trường. Chính từ những yếu tố bất lợi của thị trường và cân nhắc mức độ tăng trưởng của lĩnh vực này, Công ty đã quyết định chuyển giao toàn bộ mảng kinh doanh cho thuê xe văn phòng trong Quý 4 năm 2018. Việc chuyển giao hoàn tất vào tháng 11/2018 đánh dấu sự chấm dứt hoạt động của Công ty trong lĩnh vực vận tải đường bộ, tập trung nguồn lực vào những hoạt động mới với triển vọng tốt hơn.

Từ cuối năm 2017, Công ty chính thức tham gia thị trường vận tải thủy với việc đầu tư cặp sà lan - tàu kéo Windy. Đến cuối năm 2018, số lượng tàu Công ty đang khai thác là 04 tàu, trong đó có 02 tàu chở hàng (Golden Bay, Golden Sea), 01 tàu chở LPG (Red Dragon) và 01 tàu kéo (Windy 323). Các tàu này được thuê và khai thác theo hình thức cho thuê định hạn xen kẽ cho thuê chuyển lẻ khi cần thiết với doanh thu tương đối ổn định.

2.2 Tổ chức và nhân sự

➤ Danh sách ban điều hành:

- ✓ Ông Dương Vũ Phong – Giám đốc Công ty
 - Năm sinh: 29/11/1977
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – điện tử
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
 - Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ tháng 10/1999: công tác tại Trung tâm ĐH2 – Đại học Thủy Lợi
 - + Từ tháng 6/2003: công tác tại Công ty CP Đầu tư và xây dựng phát triển CSHT&công nghệ P&L
 - + Từ tháng 06/2007: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: nhân viên Phòng kỹ thuật
 - + Từ tháng 04/2008: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: GD Chi nhánh Ninh Thuận
 - + Từ tháng 10/2008: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: GD Chi nhánh Ninh Thuận kiêm Phó GD Chi nhánh Đại Hùng
 - + Từ tháng 5/2011: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Côn Sơn
 - + Từ tháng 11/2011: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: Trưởng phòng TCHC
 - + Từ tháng 02/2014: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: Phó Giám đốc
 - + Từ tháng 4/2015: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: Phó Giám đốc/UV. HĐQT kiêm Chủ tịch công đoàn
 - + Từ tháng 9/2016 đến tháng 01/2018: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: Giám đốc Công ty
- ✓ Ông Đặng Thanh Hải – Giám đốc Công ty
 - Năm sinh: 25/12/1972
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
 - Tóm tắt quá trình công tác:

- + Từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2007: công tác tại Công ty Dịch vụ Dầu khí Thái Bình.
- + Từ tháng 04/2007 đến tháng 06/2012: công tác tại Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
- + Từ tháng 07/2012 đến tháng 02/2014: công tác tại Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương, chức vụ: Phó Phụ trách Phòng Kinh doanh.
- + Từ tháng 03/2014 đến tháng 01/2015: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Côn Sơn.
- + Từ tháng 02/2015 đến tháng 11/2015: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: Trưởng phòng TCHC.
- + Từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017: công tác tại Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí, chức vụ: Phó Chánh Văn phòng.
- + Từ tháng 01/2018 đến tháng 05/2018: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: Giám đốc Công ty.
- ✓ Ông Võ Ngọc Phụng – Giám đốc Công ty
 - Năm sinh: 10/12/1981
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí động lực
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
 - Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ tháng 04/2005 đến tháng 07/2007: Nhân viên phòng kỹ thuật, phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH Cơ Khí Hàng Hải Thương Mại Quốc Minh.
 - + Từ tháng 08/2007 đến tháng 02/2009: Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH Cơ Khí Hàng Hải Sao Mai.
 - + Từ tháng 03/2009 đến tháng 12/2010: Nhân viên phòng kỹ thuật vật tư, phó phòng kỹ thuật vật tư Công ty CP Vận Tải Biển Châu Á Thái Bình Dương.
 - + Từ tháng 01/2011 đến tháng 05/2018: Trưởng phòng kỹ thuật vật tư, phó giám đốc phụ trách kỹ thuật vật tư Công ty CP Vận Tải Nhật Việt.
 - + Từ tháng 05/2018 đến nay: Giám đốc Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, nay là Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.
- ✓ Ông Lê Văn Phong – Phó Giám đốc Công ty
 - Năm sinh: 25/10/1980
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ điện hóa & bảo vệ kim loại
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
 - Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ tháng 07/2003: công tác tại Công ty TNHH Hóa chất & khoáng sản (VMC), chức vụ: Đại diện thương mại phía Nam/kỹ sư bán hàng.
 - + Từ tháng 6/2004: công tác tại Công ty Nalco Pacific Pte.Ltd, chức vụ Kỹ sư dịch vụ bán hàng/chuyên viên kỹ thuật cao, Quản lý hậu cần.
 - + Từ tháng 12/2009: công tác tại Công ty Petronas Việt Nam, chức vụ Kỹ sư vật liệu chống ăn mòn kim loại.
 - + Từ tháng 6/2010: công tác tại Công ty Baker Hughes Việt Nam, chức vụ: chuyên viên kỹ thuật cao.
 - + Từ tháng 5/2012: công tác tại Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí (DMC), chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh DMC Hồ Chí Minh.
 - + Từ tháng 08/2015 đến 18/01/2018: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, nay là Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam, chức vụ: Phó Giám đốc Công ty.
- ✓ Ông Nguyễn Văn Dũng – Phó Giám đốc Công ty
 - Năm sinh: 03/09/1963
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ tháng 01/1995 đến 09/2002: Kỹ sư - Xí nghiệp liên hợp xây dựng - Bộ giáo dục & đào tạo.
 - + Từ tháng 10/2002 đến 12/2003: Phó giám đốc xí nghiệp xây lắp 2 - Xí nghiệp liên hợp xây dựng - Bộ giáo dục & đào tạo.
 - + Từ tháng 01/2004 đến 9/2004: Giám đốc xí nghiệp xây lắp 2 - Xí nghiệp liên hợp xây dựng - Bộ giáo dục & đào tạo.
 - + Từ tháng 10/2004 đến 12/2009: Giám đốc xí nghiệp xây lắp 6 - Công ty đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ - Bộ giáo dục & đào tạo.
 - + Từ tháng 01/2010 đến 08/2011: Giám đốc Ban quản lý điều hành dự án CV4 - Công ty CP Bất động sản điện lực dầu khí (Nay là công ty CP địa ốc dầu khí).
 - + Từ tháng 09/2011 đến 3/2014: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban quản lý điều hành dự án CV4 - Công ty CP Bất động sản điện lực dầu khí (Nay là công ty CP địa ốc dầu khí).
 - + Từ tháng 04/2014 đến 03/2015: Chủ tịch HĐQT chuyên trách công ty CP địa ốc dầu khí.
 - + Từ tháng 03/2015 đến 02/2016: Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm công ty CP địa ốc dầu khí, Giám đốc công ty PVC Duyên Hải.
 - + Từ tháng 03/2016 đến 09/2017: Chủ tịch HĐQT chuyên trách công ty CP địa ốc dầu khí.
 - + Từ tháng 10/2017 đến 12/2017: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty CP địa ốc dầu khí.
 - + Từ tháng 01/2018 đến tháng 07/2018: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, nay là Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.
- ✓ Ông Nguyễn Thạc Hoài – Phó Giám đốc Công ty
 - Năm sinh: 27/10/1975
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
 - Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ tháng 09/1997 đến 09/2003: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Nghệ An.
 - + Từ tháng 12/2004 đến tháng 06/2006: Trưởng Phòng Kế hoạch và khai thác tàu biển Công ty Hoàng Sơn.
 - + Từ tháng 10/2003 đến tháng 11/2005: Kế toán trưởng, cán bộ khai thác tàu biển Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Việt Hàn.
 - + Từ tháng 11/2005 đến 05/2008: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Khai thác Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Việt Hàn.
 - + Từ tháng 05/2008 đến tháng 12/2017: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Khai thác Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Việt Hàn.
 - + Từ tháng 03/2018 đến tháng 10/2018: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, nay là Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.
- ✓ Ông Lưu Quang Hòa – Phó Giám đốc Công ty
 - Năm sinh: 10/01/1974
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Vận hành máy tàu biển
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
 - Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ năm 1996 đến năm 2002: Thuyền viên tại Công ty Vitranschat.

- + Từ năm 2002 đến năm 2004: Thuyền viên tại Tổng Công ty Vận tải Dầu khí.
- + Từ năm 2004 đến năm 2006: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Âu Lạc.
- + Từ năm 2006 đến năm 2009: Giáo viên Khoa máy tàu Trường Trung cấp Hàng hải Trung Ương II.
- + Từ năm 2009 đến năm 2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín.
- + Từ năm 2009 đến năm 2014: Trưởng phòng Thanh tra an toàn tàu – PV EIC.
- + Từ năm 2014 đến năm 2015: Chuyên viên Giám định – London Offshore Consultants.
- + Từ năm 2015 đến năm 2017: Phó phòng GQKN & Quản lý rủi ro Công ty PVI South.
- + Từ năm 2017 đến tháng 06/2018: Trưởng phòng – Ban ATPC – Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
- + Từ tháng 07/2018 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, nay là Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.
- ✓ Ông Lương Minh Dương – Kế toán trưởng
- Năm sinh: 05/06/1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ tháng 7/2003: công tác tại Công ty TNHH Hóa chất và Khoáng sản VMC, chức vụ Kế toán tổng hợp; kế toán trưởng.
 - + Từ tháng 09/2008: công tác tại Tổng Công ty Viễn thông Toàn Cầu (Gtel), chức vụ: chuyên viên Ban Đầu tư Tài chính Kế toán
 - + Từ tháng 05/2010: công tác tại Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình (HBS), chức vụ: Phụ trách kế toán lưu ký
 - + Từ tháng 11/2012: công tác tại Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí tại TP HCM (DMC), chức vụ: Phó phòng kinh doanh phụ trách lĩnh vực cung cấp vật tư thiết bị
 - + Từ tháng 09/2015: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ Phó phòng kinh doanh.
 - + Từ tháng 3/2016: công tác tại Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, chức vụ: chuyên viên thương mại.
 - + Từ tháng 9/2016 đến tháng 1/2018: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ: kế toán trưởng.
- ✓ Bà Nguyễn Thị Huyền – Kế toán trưởng
- Năm sinh: 05/04/1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ năm 1999 đến năm 2001: Kế toán kho kiêm kế toán bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Hữu Nghị.
 - + Từ năm 2001 đến năm 2003: Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Trần Hồng Quân.
 - + Từ năm 2003 đến tháng 03/2016: Kế toán trưởng tại Chi nhánh Công ty CP XNK và Hợp tác đầu tư Vilexim.
 - + Từ tháng 03/2016 đến tháng 01/2018: Kế toán tổng hợp tại Công ty Dịch vụ Quản lý tàu - Chi nhánh Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.

- + Từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2018: Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, nay là Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.
- ✓ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp – Kế toán trưởng
- Năm sinh: 08/12/1979
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ năm 2001 đến năm 2005: Kế toán bán hàng kiêm kế toán tổng hợp, thủ kho tại Công ty TNHH Việt Nam Á.
 - + Từ năm 2005 đến năm 2007: Kế toán chuyên quản chi nhánh tại Công ty TNHH điện tử Đô Thành.
 - + Từ năm 2007 đến năm 2008: Kế toán trưởng Công ty TNHH May và In ấn Hoàng Tấn.
 - + Từ năm 2008 đến năm 2013: Kế toán trưởng Công ty CP VTB TM Châu Á Thái Bình Dương.
 - + Từ năm 2009 đến năm 2013: Kế toán trưởng, Phó Phòng kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Nhật Việt.
 - + Từ năm 2013 đến tháng 5/2018: Kế toán trưởng, Phó phòng Công ty CP Ngô Han.
 - + Từ tháng 5/2018 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, nay là Công ty CP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.
- **Những thay đổi trong ban điều hành:**
 - + Ngày 08/01/2018, HĐQT đã ra Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Dương Vũ Phong và Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Đặng Thanh Hải.
 - + Ngày 18/01/2018, HĐQT đã ra Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Lê Văn Phong, Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Lương Minh Dương và Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Huyền.
 - + Ngày 25/01/2018, HĐQT đã ra Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Dũng.
 - + Ngày 14/03/2018, HĐQT đã ra Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Thạc Hoài.
 - + Ngày 16/05/2018, HĐQT đã ra Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Đặng Thanh Hải và Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Võ Ngọc Phụng.
 - + Ngày 05/06/2018, HĐQT đã ra Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Huyền và Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.
 - + Ngày 03/07/2018, HĐQT đã ra Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Văn Dũng và Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Lưu Quang Hòa.
 - + Ngày 31/10/2018, HĐQT đã ra Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Thạc Hoài.
- **Số lượng cán bộ nhân viên tại 31/12/2019: 120.**
 - + Trong năm 2018, Công ty đã ban hành quy định sửa đổi trả lương, trả thưởng cho CBCNV theo Quyết định số 07/QĐ-PCT-HĐQT ngày 23/08/2018.
 - + Năm 2018, Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2018, Công ty không thực hiện công tác đầu tư.

2.4 Tình hình tài chính

➤ **Tình hình tài chính:**

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	So sánh 2018/2017 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	272.149	284.194	104%
2	Doanh thu thuần	383.347	259.611	68%
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	107	13.001	12.150%
4	Lợi nhuận khác	1.540	-6.539	-425%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.647	6.461	392%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.155	4.993	432%

➤ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	7,73	9,76	
	Hệ số thanh toán nhanh (= (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	7,72	9,54	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ /tổng tài sản	0,07	0,09	
	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,07	0,1	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	488,96	90,68	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,41	0,91	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,003	0,019	
	Hệ số LNST/Vốn CSH	0,005	0,019	
	Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,004	0,018	
	Hệ số LN từ SXKD/Doanh thu thuần	0,00028	0,05	

2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

➤ **Cổ phần:**

+ Tổng số cổ phần: 23.000.000 cổ phần phổ thông, chuyển nhượng tự do.

➤ **Cơ cấu cổ đông:**

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông tổ chức/cổ đông lớn		
1	Đỗ Anh Việt	5.540.000	24,08%
2	Nguyễn Hồng Hiệp	5.069.600	22,04%
3	Trần Vọng Phúc	3.363.772	14,62%
4	Công ty cổ phần SCI	1.098.900	4,78%
5	Công ty cổ phần quản lý quỹ Việt Cát	964.100	4,19%
II	Cổ đông khác	6.963.628	30,27%
	Tổng cộng	23.000.000	

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** trong năm Công ty không có các đợt tăng vốn cổ phần.
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có
- **Các chứng khoán khác:** Trong năm Công ty không có các đợt phát hành chứng khoán khác.

2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

- **Chính sách liên quan đến người lao động**

Số lượng lao động tại 31/12/2018: 120 người.

Năm 2018, Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

Công tác cán bộ của Công ty tiếp tục được kiện toàn góp phần nâng cao tính kiểm soát và chuyên môn hóa công tác quản lý của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn tái cấu trúc.

Công đoàn và Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động phong trào văn hóa và thể thao; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV: gặp mặt CB.CNV nữ nhân ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6; tổ chức đêm hội trăng rằm cho các cháu thiếu nhi nhân tết trung thu; tổ chức thăm hỏi chu đáo gia đình các CBCNV.

- **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Chính quyền và các tổ chức Đoàn thể, năm 2018 đơn vị tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 là một năm khó khăn với phần lớn các lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Công ty đều không hiệu quả. Tuy nhiên, với sự quyết tâm của đội ngũ Ban Điều hành cũng như những quyết sách kịp thời của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã mạnh dạn chuyển hướng kinh doanh, ngừng hoạt động những ngành nghề cũ kém hiệu quả, tập trung phát triển những lĩnh vực mới có triển vọng hơn. Chính nhờ đường lối chỉ đạo đúng đắn và sự nỗ lực của toàn bộ tập thể người lao động, cán bộ công nhân viên và thuyền viên Công ty, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 4.993 triệu đồng, bằng 432% so với năm 2017 và đạt 143% so với kế hoạch đã đề ra.

3.2. Tình hình tài chính

- **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản của Công ty tại 31/12/2018 tăng 4,4% so với 01/01/2018. Cơ cấu giữa tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn cũng có sự thay đổi lớn. Tài sản ngắn hạn tăng 75,8% lên mức 244 tỷ đồng, trong khi đó, tài sản dài hạn giảm 70% xuống còn 40 tỷ đồng.

Nguyên nhân là do trong vài năm gần đây, mảng hoạt động cho thuê văn phòng đã không còn mang lại hiệu quả như mong đợi, chi phí quản lý cao làm cho lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thấp. Đồng thời, việc sà lan Windy 901 với thiết kế không phù hợp để chuyển tải than như dự án ban đầu, cộng với chi phí sửa chữa lớn nên hoạt động của cặp sà - lan tàu kéo này cũng gây nhiều tổn thất cho Công ty. Trong năm 2018, trước tình trạng trên, Công ty đã nhanh chóng tái cấu trúc toàn bộ lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm thanh lý xe và chuyển giao toàn bộ mảng kinh doanh xe văn phòng cho đơn vị khác, đồng thời thực hiện thanh lý để hoán đổi sà lan 901 thành sà lan mặt boong. Công ty hoàn toàn chuyển sang mảng quản lý tàu và kinh doanh vận tải thủy, đầu tiên là thuê bareboat các tàu của chủ tàu khác để khai thác và cho thuê định hạn, tiến tới đầu tư xây dựng đội tàu trong năm 2019. Việc tái cấu trúc này thực sự đã mang lại hiệu quả về mặt doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty đã được cải thiện rõ rệt, hệ số LNST/tổng tài sản đạt 0,017 tăng hơn 4 lần so với mức 0,004 năm 2017.

Năm 2018, công tác quản lý công nợ phải thu cũng được thực hiện chặt chẽ, tuy nhiên vẫn phát sinh một số ít các khoản nợ phải thu khó đòi từ hoạt động cho thuê xe văn phòng. Tổng trích lập dự phòng phải thu khó đòi bổ sung năm 2018 là 232 triệu đồng.

➤ **Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả trên tổng tài sản tại 31/12/2018 là 8,8%, tăng so với mức 6,6% tại thời điểm 01/01/2018. Sự thay đổi này chủ yếu do Công ty đã triển khai mảng hoạt động kinh doanh vận tải thủy mới nên phát sinh bổ sung các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp về tiền nhiên liệu, phí đại lý, tiền mua vật tư cho tàu,... Trong năm, Công ty đã tắt toán, thanh toán các khoản nợ nhà cung cấp đến hạn, không để phát sinh các khoản nợ phải trả xấu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thời điểm cuối năm 2018, tỷ giá ngoại tệ tương đối ổn định, nên không ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Năm 2018, công tác quản lý công nợ được thực hiện tốt, không làm phát sinh các khoản nợ khó đòi.

+ Cơ cấu tổ chức của Công ty qua tái cấu trúc đã được kiện toàn hơn.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	296.298
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	37.256
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29.605
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	8.175

Các nhiệm vụ chủ yếu:

– Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quản lý và khai thác tàu, tăng số lượng tàu khai thác trên cơ sở tích lũy kinh nghiệm từ hoạt động quản lý tàu, làm tiền đề cho việc sở hữu và vận hành đội tàu sau này.

– Tìm kiếm và mở rộng các đối tượng khách hàng đối với dịch vụ quản lý tàu.

– Tăng cường làm việc, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng cho các tàu mà công ty đang khai thác, đảm bảo tối đa thời gian khai thác với mức giá thuê cạnh tranh.

– Tìm kiếm cơ hội khai thác tàu mới.

– Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban Giám đốc

➤ **Lĩnh vực xe văn phòng và cung ứng nhân lực lái xe:** Đây là ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty nhưng kết quả doanh thu, lợi nhuận không đạt hiệu quả so

với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân phần lớn do sự cạnh tranh từ các hình thức kinh doanh vận tải mới áp dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ, đồng thời, do sự giới hạn đối tượng khách hàng chủ yếu là những doanh nghiệp trong ngành Dầu khí nên Công ty gặp nhiều khó khăn từ sự cắt giảm chi tiêu chung của toàn ngành. Trong năm qua, nhiều khách hàng lớn đã chấm dứt hợp đồng với Công ty và không có nguồn khách hàng thay thế dẫn đến doanh thu sụt giảm. Chính vì vậy, sau khi xem xét triển vọng phát triển chung của mảng kinh doanh này trong giai đoạn 05 năm tới cùng với tình hình đội xe và lượng khách hàng hiện tại, Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt chủ trương chuyển giao lĩnh vực cho thuê xe văn phòng của Công ty.

➤ **Lĩnh vực vận tải thủy:** Việc khai thác cặp sà lan, tàu kéo Windy 323 – Windy 901 không mang lại hiệu quả như kỳ vọng do kết cấu kỹ thuật không phù hợp, thường xuyên xảy ra sự cố và tổng mức đầu tư cao so với tuổi phương tiện cũng như giá thị trường khiến chi phí khấu hao mỗi tháng ở mức 488 triệu đồng. Sau khi nghiên cứu, cân nhắc nhiều phương án khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án hoán đổi sà lan Windy 901 thành sà lan mặt boong có đặc tính kỹ thuật phù hợp hơn trong việc chuyển tải than cho các nhà máy nhiệt điện than đồng bằng sông Cửu Long như mục đích ban đầu của dự án.

➤ **Lĩnh vực quản lý và khai thác tàu** Từ Quý 3 năm 2018, Công ty thử nghiệm phát triển mảng hoạt động quản lý và khai thác tàu, bước đầu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Trong giai đoạn tiếp cận thị trường mới này, Công ty định hướng tích lũy kinh nghiệm bằng việc thực hiện công tác quản lý cho các đội tàu lớn trong nước, tiến tới tham gia chính thức vào thị trường vận tải biển bằng cách xây dựng đội tàu trong tương lai. Công ty cũng thực hiện ký các hợp đồng thuê tàu trần và cho thuê lại định hạn hoặc khai thác trong Quý 4/2018. Hầu hết công tác quản lý, khai thác này đều đạt hiệu quả khả quan và mang lại doanh thu đáng kể bù đắp các mảng kinh doanh không đạt chỉ tiêu khác.

➤ **Lĩnh vực kinh doanh thương mại LPG** được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo an toàn dòng tiền, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

➤ **Công tác quản lý:**

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015: điều chỉnh hệ thống các quy trình, tài liệu theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.

+ Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty.

+ Phê duyệt sửa đổi quy chế trả lương, trả thưởng, đưa ra các chính sách thu hút, hỗ trợ và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty trong năm 2018 đã nỗ lực hết sức để hoàn thành chức trách nhiệm vụ. Kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đề ra với lợi nhuận sau thuế đạt 4.993 triệu đồng.

4.2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Theo nhận định của HĐQT, năm 2019 sẽ là năm bản lề cho các hoạt động kinh doanh vận tải thủy của Công ty để bước đầu khẳng định vị thế trên thị trường. Điểm thuận lợi đáng kể là các thành viên Hội đồng quản trị hiện nay đều có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành mảng khai thác và quản lý tàu. Nhân sự Ban điều hành cùng toàn thể công ty cũng được kiện toàn theo định hướng phát triển mới của Công ty.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất mà HĐQT và toàn Công ty gặp phải là sự biến động không ngừng của tình hình thị trường, phụ thuộc nhiều vào các nền kinh tế thế giới và diễn biến chính trị - xã hội trong khu vực. Đây là những yếu tố khách quan ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Để thực hiện tốt kế hoạch hoạt động và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019, HĐQT cần chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban điều hành xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2019.
- Tìm kiếm giải pháp tối ưu nhằm khai thác hiệu quả cặp tàu kéo, sà lan sau hoán đổi để giảm thiểu mức lỗ. Trong trường hợp không thể có giải pháp khả thi sẽ xem xét phương án thanh lý, cắt lỗ cho Công ty.
- Tìm kiếm cơ hội phù hợp để đầu tư các phương tiện tàu biển đáp ứng mục tiêu xây dựng đội tàu cho Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức... để tăng cường công tác quản lý.
- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh mới và xu thế phát triển của công ty trong tương lai.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2019.

V. Quản trị Công ty

5.1. Hội đồng quản trị

➤ Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Stt	TV.HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện	Thành viên độc lập	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Bá Nghị	CT.HĐQT	0%	x	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018
2	Ông Lê Thanh Sơn	TV. HĐQT	10%	x	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	TV. HĐQT	0%	x	
4	Ông Lê Hoàng Phương	TV. HĐQT	0%	x	
5	Ông Nguyễn Văn Dũng	TV. HĐQT	0%		Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018
6	Ông Hồ Sĩ Thuận	TV. HĐQT	0%	x	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 29/01/2018
7	Ông Đặng Nguyên Đăng	TV. HĐQT	0%	x	
8	Ông Võ Ngọc Phụng	TV. HĐQT	0%		
9	Ông Đỗ Anh Việt	CT.HĐQT	24,08%	x	

➤ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

➤ Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT hoạt động theo Quy chế làm việc của HĐQT ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/QĐ-HĐQT ngày 13/01/2017; thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT; quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành. Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty, thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các báo cáo và các phiên họp của HĐQT.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp 11 lần, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt chỉ đạo các nội dung:

- Phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cho Giám đốc thực hiện;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2018, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội.
- Phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017.
- Phê duyệt chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Côn Sơn, Chi nhánh Miền Bắc và Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng.
- Phê duyệt chủ trương hoán đổi sà lan Windy 901 thành sà lan mặt boong để phù hợp với điều kiện khai thác các tuyến nội địa.
- Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C cho năm tài chính 2018. Đối với công tác cán bộ, HĐQT đã phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ chủ chốt.

5.2. Ban Kiểm soát

➤ *Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:*

Stt	TV.BKS	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện	Ghi chú
1	Ông Phạm Văn Hưng	Trưởng ban	0%	Thôi là TV.BKS từ ngày 12/11/18
2	Ông Lê Trúc Lâm	TV.BKS	0%	Thôi là TV.BKS từ ngày 12/11/18
3	Ông Vũ Trọng Độ	TV.BKS	0%	Thôi là TV.BKS từ ngày 12/11/18
4	Bà Vũ Thị Phụng	TV.BKS	0%	Thôi là TV.BKS từ ngày 29/01/18
5	Bà Nguyễn Thị Tô Hiền	Trưởng ban	0%	
6	Bà Đào Ngọc Mai	TV.BKS	0%	
7	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	TV.BKS	0%	

➤ *Hoạt động của Ban Kiểm soát:*

- Năm 2018, HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với các Quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.
- Các hoạt động của Giám đốc đã tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty, thực hiện nhiệm vụ đúng chức năng và thẩm quyền.
- Giám đốc rất sát sao trong chỉ đạo điều hành Công ty, kịp thời xử lý công việc kinh doanh.
- HĐQT và Ban giám đốc luôn tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoạt động. Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc điều hành phối hợp chặt chẽ trong công tác kiểm tra giám sát thông qua Quy chế phối hợp hoạt động.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích chi trả trong năm 2018 của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc

➤ **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập 2018
I	Hội đồng quản trị		180.000.000
1	Ông Nguyễn Bá Nghị	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018	31.090.909
2	Ông Lê Thanh Sơn	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018	31.090.909
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy		36.000.000
4	Ông Lê Hoàng Phương		36.000.000
5	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018	28.090.909
6	Ông Hồ Sĩ Thuận	Thôi là TV.HĐQT từ ngày 29/01/2018	3.000.000
7	Ông Đặng Nguyên Đăng	TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018	4.909.091
8	Ông Võ Ngọc Phụng	TV.HĐQT từ ngày 12/11/2018	4.909.091
9	Ông Đỗ Anh Việt	CT.HĐQT từ ngày 12/11/2018	4.909.091
II	Ban Kiểm soát		42.000.000
1	Ông Phạm Văn Hưng	Thôi là TV.BKS từ ngày 12/11/18	15.545.455
2	Ông Lê Trúc Lâm	Thôi là TV.BKS từ ngày 12/11/18	10.363.636
3	Ông Vũ Trọng Độ	Thôi là TV.BKS từ ngày 12/11/18	9.363.636
4	Bà Vũ Thị Phượng	Thôi là TV.BKS từ ngày 29/01/18	1.000.000
5	Bà Nguyễn Thị Tô Hiền	TV.BKS từ ngày 12/11/2018	2.454.545
6	Bà Đào Ngọc Mai	TV.BKS từ ngày 12/11/2018	1.636.364
7	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	TV.BKS từ ngày 12/11/2018	1.636.364
III	Ban Giám đốc		1.951.661.500
1	Dương Vũ Phong	Giám đốc đến ngày 08/01/2018	193.290.410
2	Đặng Thanh Hải	Giám đốc đến ngày 16/05/2018	182.764.260
3	Võ Ngọc Phụng	Giám đốc từ ngày 16/05/2018	509.658.344
4	Lê Văn Phong	Phó Giám đốc đến ngày 18/01/2018	35.890.000
5	Nguyễn Văn Dũng	Phó Giám đốc từ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/07/2018	195.244.868
6	Nguyễn Thạc Hoài	Phó Giám đốc từ ngày 14/03/2018 đến ngày 31/10/2018	370.979.690
7	Lưu Quang Hòa	Phó Giám đốc từ ngày 03/07/2018	463.833.928

➤ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí	Cổ đông lớn	Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo (Tòa nhà Đạm Phú Mỹ), số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	20/09/2018	0 CP/ tỷ lệ 0%	Bán 5.203.772 CP
2	Trần Vọng Phúc	Cổ đông lớn	Tầng 4, số 68 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	20/09/2018	3.363.772 CP/ tỷ lệ 14,6%	Mua 3.363.772 CP
3	Đỗ Anh Việt	Cổ đông lớn	Số 4 ngõ Bà Triệu, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	20/09/2018	5.540.000 CP / tỷ lệ 24,08%	Mua 3.700.000 CP
4	Nguyễn Hồng Hiệp	Cổ đông lớn	Tầng 4, số 68 Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	17/12/2018	5.069.600 CP / tỷ lệ 22,04%	Mua 201.600 CP
5	Trần Thị Thu Hà	Cổ đông lớn	Phòng 319, nhà 435A đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	28/12/2018	3.689.700 CP / tỷ lệ 16,04%	Mua 3.689.700 CP

➤ **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** không có

VI. Báo cáo tài chính

6.1. Ý kiến của kiểm toán: đính kèm.

6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: đính kèm.

GIÁM ĐỐC



Võ Ngọc Phụng

Số: 56 /PCT-TCKT

TP. HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2019

V/v: Công bố Báo cáo tài chính kiểm
toán năm 2018 và Giải trình chênh lệch
LNST so với năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT)
2. Mã chứng khoán: PCT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ số 4, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, P.15, Q.11, Tp.HCM
4. Điện thoại: 028.62582330 Fax: 028.62582334
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Võ Ngọc Phụng – Giám đốc Công ty
6. Nội dung công bố thông tin:
 - * Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán (đính kèm)
 - * Nội dung Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2018 so với năm 2017 (trên 10%) như sau:

Nội dung	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch	
			(đ)	(%)
Doanh thu thuần	259.610.880.953	383.347.499.684	-123.736.618.731	- 32%
Lợi nhuận sau thuế	4.992.853.832	1.155.404.378	3.837.449.454	332%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự chênh lệch Doanh thu, Lợi nhuận:

Công ty đang tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh, Quý 4 năm 2018, Công ty đã thanh lý toàn bộ mảng vận tải xe và chuyển sang mảng vận tải tàu và quản lý tàu. Việc chuyển đổi này đã mang lại hiệu quả về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Chỉ tiêu doanh thu thuần năm 2018 giảm so với năm 2017 do Công ty giảm mảng kinh doanh LPG, tập trung vốn cho mảng vận tải tàu, doanh thu LPG năm 2017 là 276,2 tỷ đồng trong khi năm 2018 chỉ tiêu này là 136,9 tỷ đồng.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.pct.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT, HLH.



Võ Ngọc Phụng



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 34
8. Phụ lục	35 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 ngày 04 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 20 về việc thay đổi người đại diện, chức danh của người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi chi nhánh hoạt động và thay đổi tên, địa chỉ công ty.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 62 582 330
- Fax : (84-28) 62 582 334

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan vận tải đường hàng không);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng;
- Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất xe có động cơ (trừ sản xuất xe máy và không hoạt động tại trụ sở);
- Đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thủy sản. Mua bán: phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải;
- Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Quảng cáo thương mại;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ hóa kỹ thuật gia tăng tuổi thọ công trình công nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động nước ngoài);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa thiết bị khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản);
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bá Nghị	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Đỗ Việt Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Đặng Nguyên Đăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Hưng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Lê Trúc Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Vũ Trọng Độ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Tô Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Đặng Thanh Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm 03 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Thạc Hoài	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2018
Ông Lưu Quang Hoà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Ngọc Phụng – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Head Office

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3 876 555 Fax: 0258. 3 875 327 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0400/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long) (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2019, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 29 tháng 3 năm 2018.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		244.098.782.895	138.850.137.695
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.674.403.149	36.013.354.028
1. Tiền	111		58.674.403.149	9.604.802.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	26.408.551.911
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	75.972.677.617
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	30.000.000.000	75.972.677.617
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.425.712.677	18.413.568.494
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	47.821.522.234	18.723.534.495
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.167.735.600	13.438.394.541
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	77.444.084.835	7.026.964.872
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(21.007.629.992)	(20.775.325.414)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.483.487.361	138.136.563
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.483.487.361	138.136.563
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.515.179.708	8.312.400.993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	29.336.739.849	444.025.659
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.835.467.132	7.380.566.029
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	342.972.727	487.809.305
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.095.372.484	133.298.418.591
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.255.752.542	2.555.800.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.255.752.542	2.555.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.592.852.684	121.738.493.619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	28.592.852.684	121.710.601.445
- Nguyên giá	222		37.752.436.520	154.846.009.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.159.583.836)	(33.135.407.778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	27.892.174
- Nguyên giá	228		290.000.000	733.967.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(290.000.000)	(706.074.846)
III. Bất động sản đầu tư	230		8.511.460.000	8.511.460.000
- Nguyên giá	231	V.11	8.511.460.000	8.511.460.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		43.071.247	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		43.071.247	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		692.236.011	492.664.972
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	333.390.165	133.819.126
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	358.845.846	358.845.846
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		284.194.155.379	272.148.556.286

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		25.013.933.376	17.961.188.115
I. Nợ ngắn hạn	310		25.013.933.376	17.961.188.115
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	12.455.458.017	4.279.279.928
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.495.360	2.576.345.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.469.325.288	-
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.877.767.103	3.292.748.375
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.261.291.773	2.666.682.677
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.580.152.903	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.280.599.870	4.366.466.912
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	78.843.062	779.664.863
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

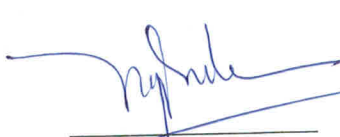
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		259.180.222.003	254.187.368.171
I. Vốn chủ sở hữu	410		259.180.222.003	254.187.368.171
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	230.000.000.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.000.000.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	839.178.790	839.178.790
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	1.918.499.046	1.918.499.046
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	26.422.544.167	21.429.690.335
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.429.690.335	21.429.690.335
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.992.853.832	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		284.194.155.379	272.148.556.286

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2019



Hoàng Lê Hương
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởng



Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	259.610.880.953	383.347.499.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		259.610.880.953	383.347.499.684
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	234.798.732.639	378.783.504.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.812.148.314	4.563.995.604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.434.123.097	8.927.907.456
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	370.398.869	1.218.147
Trong đó: chi phí lãi vay	23		353.167.124	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	18.875.261.459	13.383.650.698
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.000.611.083	107.034.215
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.884.183.940	2.797.718.639
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.423.324.509	1.257.381.614
13. Lợi nhuận khác	40		(6.539.140.569)	1.540.337.025
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.461.470.514	1.647.371.240
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.468.616.682	441.574.421
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	-	50.392.441
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.992.853.832	1.155.404.378
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	217	50
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	217	50

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2019


Hoàng Lê Hương
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởng


Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.461.470.514	1.647.371.240
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	13.149.694.896	13.855.795.129
- Các khoản dự phòng	03	V.6	232.304.578	67.030.704
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(2.413.869)	1.030.168
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	2.750.374.518	(10.692.137.440)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	353.167.124	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.944.597.761	4.879.089.801
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(94.637.852.675)	3.390.644.930
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.345.350.798)	925.017.035
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.303.836.086	(16.621.239.711)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(29.178.802.430)	(237.797.800)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(353.167.124)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(494.118.244)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(700.821.801)	(2.034.310.471)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(100.967.560.981)	(10.192.714.460)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(89.071.247)	(74.774.735.384)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		69.946.719.446	7.000.096.950
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.400.000.000)	(26.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		106.372.677.617	30.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	7.802.260.280	9.756.102.919
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		123.632.586.096	(54.018.535.515)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	55.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(55.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		22.665.025.115	(64.211.249.975)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	36.013.354.028	100.225.634.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.975.994)	(1.030.168)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	58.674.403.149	36.013.354.028

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2019

Hoàng Lê Hương
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởng



Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải bằng đường thủy.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-PCT-HĐQT ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc phê duyệt tái cấu trúc lĩnh vực kinh doanh, Công ty đã chuyển giao đội xe văn phòng hiện hữu để thu hồi vốn và đẩy mạnh phát triển lĩnh vực quản lý tàu và khai thác tàu trong đó thực hiện thuê tàu theo hình thức thuê tàu trần để khai thác và cho thuê lại tàu định hạn.

Công ty đã chuyển giao lĩnh vực cho thuê xe văn phòng cho Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (sau đây gọi tắt là “Đông Dương”) bao gồm chuyển nhượng toàn bộ hợp đồng thuê xe vệ tinh của Công ty với các đơn vị vệ tinh (41 xe ô tô) và 64 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty đang cung cấp các hợp đồng cho thuê. Theo Hợp đồng mua bán tài sản số 59/2018/HĐMB/PCT-PTT ngày 08 tháng 11 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng 64 xe cho Đông Dương với số tiền là 48.340.000.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Ngoài ra, theo Hợp đồng mua bán quyền khai thác số 60/2018/HĐMB/PCT-PTT ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc chuyển giao cho Đông Dương toàn bộ hợp đồng vận chuyển mà Công ty đã ký kết với các khách hàng cho 64 xe ô tô thuộc sở hữu và 41 xe ô tô vệ tinh với giá trị hợp đồng là 4.000.562.656 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Cũng trong năm nay, Công ty đã chuyển nhượng 17 chiếc xe ô tô văn phòng cho nhiều khách hàng với tổng giá trị các hợp đồng là 13.499.900.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Trong năm, Công ty bắt đầu hoạt động đi thuê một số tàu trần để khai thác và cho thuê lại. Các hợp đồng thuê tàu trần phát sinh bao gồm Hợp đồng số 57/ RD- FGAS-PCT ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dầu khí Fgas về việc thuê tàu Red Dragon, 3EVQ5, Panama; Hợp đồng số 01 BBC/GB-SELLAN-PCT và Hợp đồng số 02 BBC/GB-SELLAN-PCT giữa Công ty và Công ty TNHH Sellan Gas về việc thuê 2 tàu GoldenBay, XVVO, Vietnam và Golden Sea, 3WXQ, Vietnam. Các hợp đồng thuê tàu trần này đều kéo dài trong thời hạn 12 tháng. Tổng số tiền ký quỹ cho việc thuê tàu trần này theo 3 hợp đồng nêu trên là 69.000.000.000 VND. Các tàu này đã được Công ty cho thuê theo hợp đồng ngắn hạn với các khách hàng nước ngoài.

Như vậy, cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đã thu hẹp hoạt động vận tải đường bộ để chuyển sang lĩnh vực vận tải biển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ⁽ⁱ⁾	Phòng 01, tầng 8, tháp R1, Cao ốc The Everrich, số 968 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đại Hùng - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 3 tòa nhà PJICO, số 186 đường Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Số 654 đường Nguyễn An Ninh, Phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ^(iv)	Số 1, Ngõ 135, phố Núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

- (i) Ngày 05 tháng 6 năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 33/QĐ-PCT-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.
- (ii) Ngày 26 tháng 02 năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-PCT-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Đại Hùng - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.
- (iii) Ngày 26 tháng 02 năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-PCT-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.
- (iv) Ngày 05 tháng 6 năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-PCT-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.

Tại ngày kết thúc năm, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan đến việc giải thể chi nhánh Vũng Tàu và chi nhánh Miền Bắc. Các chi nhánh khác vẫn chưa thực hiện xong thủ tục pháp lý liên quan đến việc giải thể.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 120 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 140 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê tàu trần và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Chi phí thuê tàu trần

Chi phí thuê tàu trần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian thuê trong hợp đồng.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 6 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Phân phối lợi nhuận

Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	82.341.925	211.007.695
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.592.061.224	9.393.794.422
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	26.408.551.911
Cộng	58.674.403.149	36.013.354.028

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	30.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	49.972.677.617	49.972.677.617
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000	75.972.677.617	75.972.677.617

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC).

(ii) Khoản đầu tư 50 trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 VND được phát hành bởi Công ty Cổ phần SCI có kỳ hạn 3 năm tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 với lãi suất năm đầu tiên được hưởng là 10%/năm, các năm tiếp theo sẽ được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Sở giao dịch/Chi nhánh của bốn ngân hàng thương mại bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng khoản đầu tư của Công ty Cổ phần SCI vào Công ty Cổ phần SCI E&C (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Hạ tầng Fecon. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thu hồi toàn bộ tiền gốc và lãi của khoản đầu tư trái phiếu này là 52.643.750.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Castrol BP Petco	868.389.500	2.588.732.300
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	3.621.148.541
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	-	2.888.851.655
Công ty Cổ phần TMDV Hàng hải Hưng Phát	8.771.874.863	-
Lucky Ocean Shipping Company Limited	5.647.614.173	-
Peakview Industry Co., Ltd., HongKong	14.787.183.889	-
Các khách hàng khác	14.125.311.268	9.624.801.999
Cộng	47.821.522.234	18.723.534.495

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Sen Việt	364.800.000	-
Các nhà cung cấp khác	421.907.100	57.366.041
Cộng	14.167.735.600	13.438.394.541

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS – khoản ký quỹ thuê tàu Red Dragon	23.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sellan Gas – khoản ký quỹ thuê tàu GoldenBay và Golden Sea	46.000.000.000	-	-	-
Các khoản ký cược ngắn hạn	613.352.377	53.000.000	1.663.515.915	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	52.971.896	-	335.520.803	-
Lãi trái phiếu	-	-	103.833.333	-
Doanh thu cho thuê tàu Red Dragon trích trước	2.654.978.098	-	-	-
Tạm ứng	2.034.404.075	455.021.034	1.227.021.720	455.021.034
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.088.378.389	905.269.274	3.697.073.101	896.343.434
Cộng	77.444.084.835	1.413.290.308	7.026.964.872	1.351.364.468

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt – phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	3.621.148.541	-	Trên 3 năm	3.621.148.541	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	Trên 6 tháng	2.934.349.207	446.849.057	Trên 6 tháng	2.426.339.127	39.012.723
Các khoản tạm ứng	Trên 3 năm	455.021.034	-	Trên 3 năm	455.021.034	-
Các khoản ký quỹ	Trên 3 năm	53.000.000	-		-	-
Các khoản phải thu khác	Trên 3 năm	905.269.274	-	Trên 3 năm	896.343.434	-
Công ty TNHH Thủy sản HMP – trả trước tiền mua hàng	Trên 3 năm	13.381.028.500	-	Trên 3 năm	13.381.028.500	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	Trên 3 năm	128.070.126	23.407.633	Trên 3 năm	50.044.681	15.587.181
Cộng		21.477.886.682	470.256.690		20.829.925.317	54.599.904

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.775.325.414	20.708.294.710
Trích lập dự phòng bổ sung	232.304.578	67.030.704
Số cuối năm	21.007.629.992	20.775.325.414

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.345.350.798	-	-	-
Hàng hóa	138.136.563	-	138.136.563	-
Cộng	5.483.487.361	-	138.136.563	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	326.930.896	15.418.178
Chi phí bảo hiểm	1.280.280.628	296.292.029
Chi phí thuê tàu trần	26.774.881.184	-
Chi phí thuê văn phòng	761.250.000	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	193.397.141	132.315.452
Cộng	29.336.739.849	444.025.659

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	333.390.165	109.823.109
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	23.996.017
Cộng	333.390.165	133.819.126

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	400.900.000	154.080.633.661	364.475.562	154.846.009.223
Mua trong năm	-	-	46.000.000	46.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(34.536.364)	(117.001.331.446)	(103.704.893)	(117.139.572.703)
Số cuối năm	366.363.636	37.079.302.215	306.770.669	37.752.436.520
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.447.602.286	260.770.669	1.708.372.955
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	129.795.960	32.641.136.256	364.475.562	33.135.407.778
Khấu hao trong năm	126.917.931	12.988.495.901	6.388.890	13.121.802.722
Thanh lý, nhượng bán	(12.471.459)	(36.981.450.312)	(103.704.893)	(37.097.626.664)
Số cuối năm	244.242.432	8.648.181.845	267.159.559	9.159.583.836
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	271.104.040	121.439.497.405	-	121.710.601.445
Số cuối năm	122.121.204	28.431.120.370	39.611.110	28.592.852.684
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phương tiện vận tải của Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.447.602.286 VND và 0 VND đang được giữ bởi Công ty TNHH MTV Cửu Nguyễn (gọi tắt là "Cửu Nguyễn"), liên quan đến vụ tranh chấp giữa Công ty và Cửu Nguyễn từ tháng 11 năm 2013. Ngày 26 tháng 02 năm 2014, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh để thu hồi ba chiếc xe này.

Ngày 26 tháng 5 năm 2015, theo Bản án sơ thẩm số 95/2015/LDTM-ST, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tuyên Cửu Nguyễn phải trả cho Công ty ba xe taxi trên với biển kiểm soát số 56K-8922, 56K-8306 và 56N-6297. Ngày 22 tháng 9 năm 2015, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm số 95/2015/LDTM-ST và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Ngày 14 tháng 3 năm 2016, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh bắt đầu tiến hành phiên đối chất giải quyết vụ án kinh doanh thương mại trên. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty vẫn chưa nhận được phán quyết sau cùng của Tòa án về tình hình tranh chấp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	733.967.020
Thanh lý, nhượng bán	(443.967.020)
Số cuối năm	290.000.000
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	290.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	706.074.846
Khấu hao trong năm	27.892.174
Thanh lý, nhượng bán	(443.967.020)
Số cuối năm	290.000.000
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	27.892.174
Số cuối năm	-
Trong đó:	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	8.511.460.000
Số cuối năm	8.511.460.000
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	-
Tổn thất do suy giảm giá trị	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	8.511.460.000
Số cuối năm	8.511.460.000

Danh mục bất động sản đầu tư như sau:

	Giá trị
Quyền sử dụng đất lô A8 tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	2.002.800.000
Quyền sử dụng đất lô A20 tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	2.000.160.000
Quyền sử dụng đất lô E43 tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	4.508.500.000
Cộng	8.511.460.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	358.845.846	409.238.287
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	(50.392.441)
Số cuối năm	358.845.846	358.845.846

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huy Hoàng Hà	16.912.500	876.691.520
Công ty Cổ phần Vận tải Việt Sinh	-	500.679.999
Monjasa Pte. Ltd.	4.682.654.552	-
D.B Marine Services Co.	2.299.732.958	-
Glander International Bunkering Pte. Ltd.	1.353.484.766	-
Các nhà cung cấp khác	4.102.673.241	2.901.908.409
Cộng	12.455.458.017	4.279.279.928

Công ty không có khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	206.292.330	1.014.534.435	(1.151.214.832)	-	342.972.727
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	99.051.699	(99.051.699)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	28.724.770	(28.724.770)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	164.142.225	1.468.616.682	-	1.304.474.457	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	117.374.750	825.410.974	(543.185.393)	164.850.831	-
Các loại thuế khác	-	-	30.392.203	(30.392.203)	-	-
Cộng	-	487.809.305	3.466.730.763	(1.852.568.897)	1.469.325.288	342.972.727

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.461.470.514	1.647.371.240
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	748.343.162	612.254.730
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.603.555)	(251.962.214)
Thu nhập chịu thuế	7.198.210.121	2.007.663.756
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	7.198.210.121	2.007.663.756
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.439.642.024	401.532.751
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	28.974.658	40.041.670
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.468.616.682	441.574.421

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí quản lý điều hành	1.794.229.223	1.794.229.223
Các chi phí liên quan đến dịch vụ cho thuê tàu	1.243.955.403	-
Chi phí chăm sóc khách hàng	-	417.000.000
Chi phí phải trả khác	223.107.147	455.453.454
Cộng	3.261.291.773	2.666.682.677

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	77.646.922	21.557.549
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	2.484.396.548	3.549.463.748
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	718.556.400	795.445.615
Cộng	3.280.599.870	4.366.466.912

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn hoạt động với lãi suất được quy định trong từng khế ước cụ thể, thời hạn vay đến ngày 09 tháng 8 năm 2018. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã trả toán toàn bộ khoản vay này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay trong năm	55.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(55.000.000.000)
Số cuối năm	-

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	405.876.767	(327.110.000)	78.766.767
Quỹ phúc lợi	373.788.096	(373.711.801)	76.295
Cộng	779.664.863	(700.821.801)	78.843.062

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	52.037.720.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	50.696.000.000	48.680.000.000
Ông Đỗ Anh Việt	55.400.000.000	37.000.000.000
Ông Trần Vọng Phúc	33.637.720.000	-
Cổ đông khác	90.266.280.000	92.282.280.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.305.000.000	8.072.400.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.175.000.000	7.785.000.000
Cộng	3.480.000.000	15.857.400.000

Công ty thuê văn phòng tại trụ sở dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê văn phòng có hiệu lực trong khoảng từ ngày 08 tháng 9 năm 2018 đến ngày 08 tháng 8 năm 2021 với đơn giá 108.750.000 VND/tháng.

21b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	223.588,47	5.282,64
Euro (EUR)	100,00	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	142.410.615.820	293.808.821.857
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	108.953.045.192	86.074.774.476
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	8.247.219.941	3.463.903.351
Cộng	259.610.880.953	383.347.499.684

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng cho Công ty TNHH MTV Gas Venus với số tiền là 58.894.032.752 VND (năm trước là 0 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	139.982.791.890	293.621.817.667
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải	94.815.940.749	80.954.563.203
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	-	4.207.123.210
Cộng	234.798.732.639	378.783.504.080

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.166.138.990	3.532.031.778
Lãi đầu tư trái phiếu	5.249.739.050	5.347.292.237
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.831.188	48.583.441
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.413.869	-
Cộng	7.434.123.097	8.927.907.456

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	353.167.124	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.231.745	187.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.030.168
Cộng	370.398.869	1.218.147

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	11.307.935.115	4.912.285.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	391.375.255	247.546.399
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	232.304.578	67.030.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	6.067.850.151	7.787.942.547
Chi phí bằng tiền khác	875.796.360	368.845.196
Cộng	18.875.261.459	13.383.650.698

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	1.862.305.925
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác 64 xe ô tô và 41 xe ô tô thuê vệ tinh (Hợp đồng số 60/2018/HĐMB/PCT-PTT ngày 12 tháng 11 năm 2018)	3.636.875.142	-
Thu nhập khác	247.308.798	935.412.714
Cộng	3.884.183.940	2.797.718.639

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.166.252.558	-
Chi phí bảo hiểm	-	857.702.067
Các khoản chi phí khác	257.071.951	399.679.547
Cộng	10.423.324.509	1.257.381.614

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.992.853.832	1.155.404.378
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.992.853.832	1.155.404.378
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	217	50

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra ảnh hưởng tới nguồn vốn của Công ty từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.812.954.074	6.435.416.425
Chi phí nhân công	30.500.757.796	22.265.836.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.149.694.896	13.792.161.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.028.359.955	54.223.075.954
Chi phí khác	1.199.435.487	1.035.904.983
Cộng	113.691.202.208	97.752.395.314

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm tiền lương và thưởng với tổng số tiền lương và thưởng là 1.782.159.558 VND (năm trước là 1.479.423.177 VND). Trong đó tiền lương, thưởng của Giám đốc là 696.391.608 VND (năm trước là 471.863.658 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ông Đỗ Việt Anh	Cổ đông nắm giữ 24,09% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Cổ đông nắm giữ 22,04% vốn điều lệ
Ông Trần Vọng Phúc	Cổ đông nắm giữ 14,63% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Gas Venus	Công ty có cùng chủ đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty và do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa: bán hàng hóa cho các khách hàng trong nước.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải: cung cấp dịch vụ vận tải hàng khách và hàng hóa, vận tải viễn dương.
- Lĩnh vực kinh doanh khác: dịch vụ lữ hành, lắp đặt quảng cáo, phí quản lý tàu,...

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

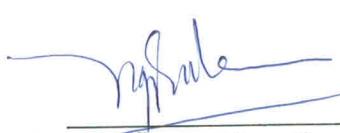
3. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2019


Võ Ngọc Phụng
Giám đốc


Hoàng Lê Hương
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	22.790.083.056	255.547.760.892
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.155.404.378	1.155.404.378
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(2.515.797.099)	(2.515.797.099)
Số dư cuối năm trước	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	21.429.690.335	254.187.368.171
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	21.429.690.335	254.187.368.171
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	4.992.853.832	4.992.853.832
Số dư cuối năm nay	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	26.422.544.167	259.180.222.003

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2019



Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởng

Hoàng Lê Hương

Hoàng Lê Hương
Người lập

Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND					
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:					
Năm nay	Kinh doanh hàng hóa	Dịch vụ vận tải	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	142.410.615.820	108.953.045.192	8.247.219.941	-	259.610.880.953
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.410.615.820	108.953.045.192	8.247.219.941	-	259.610.880.953
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.427.823.930	14.137.104.443	8.247.219.941	-	24.812.148.314
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(18.875.261.459)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					5.936.886.855
Doanh thu hoạt động tài chính					7.434.123.097
Chi phí tài chính					(370.398.869)
Thu nhập khác					3.884.183.940
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(10.423.324.509)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.468.616.682)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	403.571.247	46.000.000	-	4.992.853.832
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	163.541.501	13.137.001.861	9.470.942	-	13.310.014.304
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	60.662.693	171.641.886	-	-	232.304.579

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Kinh doanh hàng hóa	Dịch vụ vận tải	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	293.808.821.857	86.074.774.476	3.463.903.351	-	383.347.499.684
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	293.808.821.857	86.074.774.476	3.463.903.351	-	383.347.499.684
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	187.004.190	5.120.211.273	(743.219.859)	-	4.563.995.604
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(13.383.650.698)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(8.819.655.094)
Doanh thu hoạt động tài chính					8.927.907.456
Chi phí tài chính					(1.218.147)
Thu nhập khác					2.797.718.639
Chi phí khác					(1.257.381.614)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(441.574.421)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(50.392.441)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.155.404.378
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	162.545.755	74.859.140.724	136.452.722	-	75.158.139.201
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	268.100.943	13.729.858.193	3.160.816	-	14.001.119.953
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	28.017.982	39.012.723	-	-	67.030.704

815
TY
HUU
A TU
C
HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Kinh doanh hàng hóa	Dịch vụ vận tải	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.102.763.045	171.336.975.056	5.260.129.442	-	181.699.867.543
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					102.494.287.836
Tổng tài sản					284.194.155.379
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	73.262.419	14.494.565.700	-	-	14.567.828.119
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					10.446.105.257
Tổng nợ phải trả					25.013.933.376
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	199.081.692	140.095.199.747	138.136.563	-	140.432.418.002
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					131.716.138.284
Tổng tài sản					272.148.556.286
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	167.829.889	8.852.257.678	-	-	9.020.087.567
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					8.941.100.548
Tổng nợ phải trả					17.961.188.115



Hoàng Lê Hương
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởng



Võ Ngọc Phụng
Giám đốc